

# Các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường đầu tư ra nước ngoài

**Trong những năm gần đây, Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian qua cũng đạt được một số thành công đáng kể.**

**LÊ THỊ THANH HUYỀN**  
Viện Khoa học Tài chính

## Kết quả đạt được chưa xứng tiềm năng

Đầu tư ra nước ngoài đối với Việt Nam là một hướng đi mới, mang lại nhiều tiềm năng to lớn trong việc giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường, nâng vị thế của doanh nghiệp nói riêng và hình ảnh của Việt Nam nói chung trên trường quốc tế. Kể từ khi Chính phủ ban hành Nghị định 22/1999/NĐ-CP ngày 14/4/1999 quy định về đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam đã đạt một số thành tựu đáng kể. Đã có một số dự án đầu tiên đầu tư ra nước ngoài như: chè xanh, thủy sản sang Nga, Anh; vận tải biển sang Singapore... số lượng dự án và quy mô vốn đầu tư ngày càng tăng theo thời gian, do ngày càng có nhiều doanh nghiệp có khả năng tài chính, quan tâm mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất, vận tải và khai thác lợi thế vốn có. Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), 11 tháng năm 2005, đã có 38 dự án của các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài được cấp phép với số vốn đăng ký 148 triệu USD, nâng tổng số dự án đầu tư ra nước ngoài của cả nước lên 151 dự án, với tổng vốn hơn 379 triệu USD, quy mô bình quân mỗi dự án là 2 triệu USD. Các dự án đầu tư chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp và xây dựng (56 dự án, chiếm 42%), kế đến là lĩnh vực nông-lâm-ngư nghiệp (24 dự án). Các dự án còn lại thuộc

lĩnh vực dịch vụ. Trong số 30 quốc gia và vùng lãnh thổ được các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, Irắc là quốc gia được đầu tư nhiều nhất với tổng vốn 100 triệu USD, chiếm hơn 33%, tiếp đó là Lào với 41 dự án, vốn đăng ký là 84,5 triệu USD, chiếm hơn 28%. Các dự án còn lại được triển khai tại các quốc gia ở châu Á và châu Âu. Các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài chủ yếu là một số tổng công ty lớn của Nhà nước như: Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam... Riêng trong ngành dầu khí có tới 5 dự án thăm dò, khai thác dầu khí tại Irắc, Malaysia, Indonesia, Algeri. Điều này khẳng định sự trưởng thành về mọi mặt của các doanh nghiệp Việt Nam trong qua trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Mặc dù đầu tư nước ngoài của nước ta trong thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, nhưng những gì đạt được chưa xứng với tiềm năng. Thực tế các dự án đăng

ký nhiều nhưng thực hiện lại ít. Thời kỳ 1989-1998, mỗi năm có 1 hoặc 3 dự án, năm 1993 nhiều nhất có 5 dự án đầu tư ra nước ngoài nhưng vốn thực hiện còn thấp, có năm không giải ngân được đồng nào. Kể từ năm 1999, khi Chính phủ ban hành Nghị định 22 về một số biện pháp khuyến khích đầu tư ra nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam bắt đầu có sự tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, số vốn đầu tư thực hiện thấp hơn nhiều so với vốn đăng ký và vốn pháp định. Ví dụ, năm 2002 có tới 15 dự án được cấp giấy phép ra nước ngoài với số vốn đăng ký 151,8 triệu USD và vốn pháp định là 134,5 triệu USD nhưng vốn thực hiện chỉ đạt 1,7 triệu USD. Trong danh sách 127 dự án đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam còn hiệu lực, tính từ thời điểm 1989 đến ngày 30/6/2005, tổng số vốn đăng ký là 296,8 triệu USD và vốn pháp định 263,1 triệu USD nhưng vốn thực hiện chỉ đạt 12,6 triệu USD, bằng 4,2% so với tổng số vốn đăng ký.

## Nguyên nhân...

Tình trạng trên xuất phát từ những



DN xuất khẩu thủy sản Việt Nam đã bước đầu xây dựng một số cơ sở chế biến ở nước ngoài

yếu tố chủ quan cũng như những nhu cầu khách quan, đó là năng lực của các doanh nghiệp, môi trường kinh doanh của nước đầu tư và ngay cả chính sách của Nhà nước ta trong việc khuyến khích đầu tư ra nước ngoài...

Các doanh nghiệp Việt Nam còn thiếu hiểu biết về các quy định, pháp luật, thị trường, tập quán, thói quen sinh hoạt của nước sở tại nên hầu hết các dự án đầu tư của ta còn mang tính chất thăm dò. Do có sức cạnh tranh yếu, kinh nghiệm quản lý, khả năng tài chính hạn hẹp... các doanh nghiệp Việt Nam đã vấp phải không ít bất lợi trong kinh doanh. Thế mạnh của các doanh nghiệp tư nhân so với doanh nghiệp nhà nước là ở chỗ thích nghi nhanh chóng với tình hình mới. Tuy nhiên, các hiệp định song phương ký giữa Chính phủ với các nước thường không được công bố, nhất là những ưu đãi mà hai chính phủ dành cho nhau. Do đó, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh khó có cơ hội tham gia.

Một trong những nguyên nhân khiến dự án của các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài (nhất là các doanh nghiệp nhà nước làm chủ đầu tư) khó thực hiện được trọn vẹn là do các dự án này được thành lập chủ yếu nhằm thực hiện cam kết của chính phủ hai nước. Khi tình hình quốc tế thay đổi, những ưu đãi trước đây cho việc thực hiện dự án không còn, việc kinh doanh không thuận lợi như trước nữa - như Irắc là một ví dụ. Khi doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài, ngoài việc tuyển chọn, đưa công nhân từ trong nước sang, các doanh nghiệp vẫn phải tuyển dụng lao động tại nước sở tại mà việc trả lương cho người lao động nước ngoài cũng là một gánh nặng tài chính đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Tại một số thị trường như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Anh, Pháp... do chúng ta chưa có được công nghệ tiếp thị, quảng cáo, xây dựng thương hiệu có hiệu quả nên hàng hóa đưa vào sản xuất và tiêu thụ đã gặp rất nhiều khó khăn. Tại một số thị trường được coi là "dễ tính" về chất lượng và mẫu mã sản phẩm như châu Phi, Lào, Campuchia thì lại gặp

khó khăn về tài chính do thị trường tiền tệ, ngân hàng chưa phát triển. Mặt khác, các nước này đều có phí chuyển tiền cao, thủ tục thanh toán kéo dài, các loại phí, lệ phí, thuế cao, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Khung pháp lý chưa hoàn chỉnh, cũng là nguyên nhân khiến hiệu quả đầu tư ra nước ngoài của ta trong thời gian qua còn thấp. Văn bản duy nhất điều chỉnh việc đầu tư ra nước ngoài là Nghị định số 22/NĐ-CP ngày 14/04/1999 của Chính phủ, theo đó các dự án trên 1 triệu USD phải được Thủ tướng phê duyệt. Điều này dẫn đến hiện tượng "cái gì cũng phải xin". Như ngành Dầu khí, các dự án đều có vốn đầu tư trên 10 triệu USD, vì thế khi doanh nghiệp trình dự án lên Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì phải có đầy đủ ý kiến của các bộ, ngành liên quan mới được trình Chính phủ xem xét. Và để lấy được giấy phép đầu tư, các doanh nghiệp phải mất rất nhiều thời gian do đó thường đánh mất cơ hội đầu tư.

Khó khăn vướng mắc trong hoạt động của ngân hàng là ở cơ chế vay ngoại tệ để đầu tư ra nước ngoài. Rất hiếm, thậm chí là không có ngân hàng thương mại nào chấp nhận cho các doanh nghiệp vay ngoại tệ để đầu tư ra nước ngoài. Lý do là, các ngân hàng thương mại không có cơ chế để quản lý nguồn tiền vay khi họ không có văn phòng đại diện ở quốc gia mà doanh nghiệp đầu tư; và mặc dù việc vay ngoại tệ đã được quy định trong Nghị định 22/1999/NĐ-CP, song cơ chế quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước hiện nay chưa quy định về quản lý tiền đầu tư ra nước ngoài. Không chỉ khó khăn trong việc vay vốn, hiện nay, các thủ tục chuyển lợi nhuận từ nước ngoài về Việt Nam cũng đang là vấn đề bức xúc của nhiều doanh nghiệp.

Một khó khăn nữa là về thủ tục xin thị thực nhập cảnh. Các doanh nghiệp chuẩn bị đầu tư ra nước ngoài dù đã có giấy phép đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp nhưng vẫn khó được phía bạn cho phép vào làm ăn, vì sợ đầu tư giá để đi dân. Trong

khi đó doanh nhân ở nhiều nước không phải xin thị thực, do nước họ đã ký hiệp định miễn thị thực với nhiều nước trên thế giới.

Về quản lý vĩ mô, trong thời gian vừa qua Nhà nước chưa xây dựng được chiến lược quốc gia về đầu tư ra nước ngoài, với mục tiêu rõ ràng, đảm bảo cho các doanh nghiệp an tâm phát triển lâu dài. Chưa kết hợp chặt chẽ chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài với chiến lược đầu tư ra nước ngoài trong một chiến lược phát triển tổng thể quốc gia.

## Giải pháp

Các doanh nghiệp Việt Nam cần tăng cường khả năng cạnh tranh nội địa tạo đà cho đầu tư ra nước ngoài. Xây dựng định hướng, chiến lược kinh doanh phát triển lâu dài trên cơ sở đánh giá chính xác thị trường mục tiêu và duy trì uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường. Các doanh nghiệp sản xuất cần phải nâng cao năng lực, xây dựng những hệ thống sản xuất mang chuẩn mực quốc tế. Tập trung phát triển và làm chủ khoa học công nghệ tiên tiến, sẵn sàng cạnh tranh, nắm bắt thời cơ và chủ động đối phó với những thách thức. Xây dựng chiến lược marketing ở nước ngoài để đầu tư có hiệu quả. Việt Nam nên tham gia marketing thông qua các Hội chợ thương mại Việt Nam hay mở văn phòng đại diện... Một chiến lược con người đúng đắn sẽ là sức mạnh cạnh tranh lâu dài của các doanh nghiệp trong thời gian tới. Các doanh nghiệp cần nắm vững những quy định, điều luật của quốc gia, tổ chức kinh tế thế giới để có biện pháp đối phó với những vụ kiện lúc nào cũng có thể xảy ra.

Cần tạo ra mối liên kết giữa ngân hàng và doanh nghiệp. Đầu tư ra nước ngoài ở giai đoạn đầu đòi hỏi vốn lớn, kéo dài (do phải xây dựng nhà xưởng, chi phí nhân công ban đầu...), trong khi doanh nghiệp không thể huy động tất cả vốn của mình vào dự án. Trong điều kiện thị trường vốn của ta còn chưa phát triển thì ngân hàng được coi là cứu cánh của các doanh nghiệp hiện nay. Sự liên kết chặt chẽ giữa

ngân hàng và doanh nghiệp được xem là nhân tố không thể thiếu để thúc đẩy đầu tư phát triển. Về lâu dài, mối liên hệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng phải được nâng cao, tạo thành các tập đoàn kinh tế tài chính vững mạnh, đủ sức cạnh tranh trong việc thực hiện các dự án đầu tư trên thị trường thế giới.

Ngày nay hoạt động xúc tiến thương mại đóng vai trò đòn bẩy trong việc tiếp cận thị trường nước ngoài. Việc tìm kiếm đối tác làm ăn có uy tín, thị trường kinh doanh ổn định, có nhu cầu cao không những giúp hoạt động đầu tư giảm thiểu rủi ro mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty con nước ngoài phát triển. Cần nâng cao hơn nữa năng lực, vai trò và trách nhiệm là cầu nối của các đại sứ và tham tán thương mại tại các quốc gia trên thế giới. Phải có cơ quan khai thác và cung cấp chính xác, liên tục thông tin về kinh tế của quốc gia khu vực cho Chính phủ, các cơ quan thương mại và doanh nghiệp để từ đó chọn lọc, phân tích thông tin cho quyết định nên hay không nên đầu tư. Vận động thiết lập các liên minh để tạo thế và lực cho doanh nghiệp hội nhập. Chính phủ cần phải chú ý thông tin rộng rãi và nhanh chóng hơn nữa về những nghị định, hiệp định đã ký kết với các nước, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nắm bắt cơ hội kịp thời.

Xây dựng chính sách, pháp luật

đầu tư ra nước ngoài phù hợp với thông lệ quốc tế, theo hướng đơn giản hoá các thủ tục tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong quá trình xin cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài. Hoàn thiện hệ thống tài chính, điều cần thiết là phải có một lộ trình đầy đủ, rõ ràng về việc thực hiện. Xây dựng cho được mối quan hệ pháp lý trực tiếp để triển khai các hoạt động kinh tế - thương mại - đầu tư song phương theo tiêu chuẩn, nguyên tắc và thông lệ quốc tế; gia nhập các tổ chức và định chế pháp lý kinh doanh quốc tế mà Việt Nam chưa phải là thành viên nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện đầu tư ra nước ngoài.

Thực hiện nghiên cứu, xây dựng và ban hành Luật đầu tư ra nước ngoài trong mối quan hệ tổng thể với Luật đầu tư chung. Khi có một khuôn khổ mang tính pháp lý cao để điều chỉnh, Nhà nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp hoạt động lâu dài ở nước ngoài cũng như hỗ trợ họ nâng cao sức cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế. Mặt khác, khi có Luật đầu tư ra nước ngoài cùng chế tài cụ thể kèm theo, công tác quản lý và phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành của Chính phủ trong lĩnh vực này sẽ khắc phục được tệ quan liêu, chông chéo, đảm bảo cho các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài hoạt động an toàn và mang lại hiệu quả cao. ☉

• **Tiếp theo tr. 8**

động, tích cực, sáng tạo khắc phục mọi khó khăn để tăng thu hàng trăm tỷ đồng tiền thuế cho Nhà nước. Nhiều cán bộ thuế trở thành những tấm gương sáng trong phong trào thi đua liên tục của Ngành. Không ít sáng kiến cải tiến đã nảy nở trong công tác, mang lại hiệu quả toàn diện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khai thác và bồi dưỡng nguồn thu không ngừng tăng lên cho đất nước.

Chống thất thu thuế không đơn thuần chỉ tính trên số thuế tăng thu cho NSNN mà điều có ý nghĩa lớn hơn là bảo đảm tính công bằng, bình đẳng

trong chính sách động viên, từng bước uốn nắn lệch lạc trong suy nghĩ và hành động về nghĩa vụ công dân, đưa dần việc thi hành luật thuế vào nề nếp, kỷ cương, góp phần làm lành mạnh hóa xã hội theo phương châm "sống và làm việc theo pháp luật", tạo được nhịp cầu đồng cảm và ủng hộ của quần chúng đối với công tác thuế.

Từ những thành tích xuất sắc trong kế hoạch 5 năm 2001-2005, toàn ngành Thuế tự hào, phấn khởi chuẩn bị hành trang đầy đủ để thực hiện thắng lợi Chiến lược thuế 2006-2010, góp phần xây dựng đất nước vì ngày mai tươi sáng. ☉

TS. **NGUYỄN THỊ HẢI HÀ**  
Viện Khoa học Tài chính



hệ giới đã và đang chứng kiến những biến động mạnh về giá cả hàng hoá, nguyên, nhiên, vật liệu,

đặc biệt là nhóm hàng năng lượng, kim loại, khoáng sản, phân bón và nông sản. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, giá năng lượng trong suốt thập kỷ 90 chỉ tăng 6,4%, kim loại và khoáng sản giảm 15%, nông sản giảm 10,2% thì chỉ trong 5 năm (2001 - 2005) giá năng lượng đã tăng hơn 2 lần, kim loại và khoáng sản tăng 1,8 lần và nông sản tăng 1,4 lần. Nếu chỉ tính riêng từ cuối năm 2002, đầu năm 2003 trở lại đây, thì các con số tương ứng là 2,05; 1,9 và 1,3 (giá kim loại và khoáng sản năm 2002 giảm).

Cho dù phần lớn vẫn thuộc nhóm các mặt hàng chịu sự điều tiết, quản lý bình ổn của Nhà nước, nhưng trong bối cảnh chuyển đổi nền kinh tế theo định hướng thị trường, đồng thời tham gia hội nhập kinh tế sâu rộng, từng bước cho phép giá cả trong nước đảm nhiệm vai trò làm tín hiệu cho việc phân bổ nguồn lực, thì những thay đổi giá cả thế giới trên đây chắc chắn có ảnh hưởng đến mọi mặt KT- XH, hoạt động thu - chi và cân đối NSNN nước ta. Bối cảnh đối NSNN là một trong những vấn đề then chốt, có vai trò quyết định đối với sự ổn định kinh tế vĩ mô, và với tăng trưởng và phát triển KT-XH và bởi vì không có các dấu hiệu của việc quay trở lại các mức giá tương đối thấp trước đây nên việc thực hiện phân tích ảnh hưởng của biến động giá tới hoạt động và cân đối NSNN, chủ động hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực, giữ vững ổn định vĩ mô, thực hiện mục tiêu phát triển KT-XH là rất cần thiết.

**Ảnh hưởng của biến động giá tới nền kinh tế và NSNN**

Giá cả là biến số trung tâm, đóng vai trò quyết định đối với việc phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế thị trường. Ở những khía cạnh nhất định, giá tăng có thể làm tăng lợi nhuận, đặt biệt đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh mà giá đầu vào tương đối ổn định trong